TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Nguyễn Thụy Cẩm T**, sinh năm 1984

Anh **Phạm Điền T1**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai). Được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 14/02/2023 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T1 có 03 con chung là cháu Phạm Triều N, sinh ngày 27/4/2007, Phạm Minh A, sinh ngày 16/8/2013 và Phạm Khánh N1, sinh ngày 17/8/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T và anh T1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 nhưng không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 01

năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là cháu Phạm Triều N, sinh ngày 27/4/2007, Phạm Minh A, sinh ngày 16/8/2013 và Phạm Khánh N1, sinh ngày 17/8/2022. Chị T và anh T1 thống nhất giao con chung cháu Minh A cho anh T1 nuôi dưỡng, giao con chung cháu N1 cho chị T nuôi dưỡng; Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T và anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh A, sinh ngày 16/8/2013 cho anh T1 nuôi dưỡng và giao con chung cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 17/8/2022 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu Phạm Triều N, sinh ngày 27/4/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T và anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thụy Cẩm T và anh Phạm Điền T1 mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T và anh T1 đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013071 ngày 30/12/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai. Chị T và anh T1 đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Nai;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Nguyên Vũ